TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 5 - 2026
V/v *"Tranh chấp Ly hôn nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Mẫn
Ông Lê Văn Chi
- ***Thư ký phiên Tòa***: Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Ngọc Nhiều - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 465/2025/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2025 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình "Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 206/2026/QĐXXST - HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Thị Đ, sinh năm: 2000; Số định danh cá nhân: 091300012164; địa chỉ: ấp N, xã N, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Danh M, sinh năm: 1998; Số chứng minh nhân dân: 371914185; địa chỉ: ấp V, xã L, tỉnh An Giang

(Chị Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh M vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2025 nguyên đơn chị Thị Đ trình bày: Chị và anh M trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2022 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V ngày 21/3/2022. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 30/4/2025 thì phát sinh mâu thuẫn; thường xuyên cãi nhau, luôn bất đồng về quan điểm về cách chi tiêu

trong gia đình, tiền làm ra của ai người đó xài, mạnh ai người đó sống, đã nhiều lần cho nhau cơ hội để sửa chữa nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2025 cho đến nay. Chị thấy rằng cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh M; Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Thị Nhã Đ1, sinh ngày 25/3/2023, hiện con đang sống cùng chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành. Đến ngày 13/4/2026 chị rút yêu cầu về cấp dưỡng, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Danh M đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng, triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang nhận thấy như sau:

Về hôn nhân chị Đ, anh M tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2022 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân ngày 30/4/2025 cho đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị không thể tiếp tục duy trì được nữa. Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ. Về con chung: Anh, chị có 01 con chung, hiện đang sống cùng chị Đ, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Tại đơn khởi kiện chị Đ yêu câu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, nhưng chị đã nộp đơn xin rút yêu cầu phần cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị đình chỉ yêu cầu này của chị Đ theo Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt thông báo cho anh M nhưng anh M không thể hiện ý kiến về việc chị Đ yêu cầu được nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao cháu Đ1 cho chị Đ nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Chị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

{1.1} Về thẩm quyền: Chị Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình "Ly hôn, nuôi con chung" giữa chị và anh M. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

{1.2}Về sự có mặt của đương sự: Chị Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh M là bị đơn đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng; nhưng anh không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và cũng không tham gia phiên công khai chứng cứ, phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của chị Đ, anh M không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Đ, anh M.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Chị Đ và anh M trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2022. Anh, chị có đến Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã L, tỉnh An Giang) đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2022 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng không tự hòa giải được những mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, vợ chồng chung sống đến ngày 30/4/2025 thì ly thân. Chị Đ và anh M cũng đã nhiều lần cho nhau cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Xét thấy hôn nhân của anh chị phải được xây dựng trên cơ sở lâu dài bền vững, vợ chồng quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Đối với anh M, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về việc chị Đ yêu cầu được ly hôn; nhưng anh M không có ý kiến gì về việc chị Đ yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của chị Đ, anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Xử chấp nhận cho chị Thị Đ được ly hôn với anh Danh M.

{2.2} Về con chung: Anh, chị có 01 người con chung tên Thị Nhã Đ1 – sinh ngày 25/3/2023, hiện cháu Đ1 đang sống cùng chị Đ, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con trưởng thành. Đến ngày 13/4/2026 chị Đ có đơn rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con đối với anh M, việc chị rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ đối với yêu cầu này của chị Đ. Tòa án tống đạt thông báo cho anh M về việc chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ1 nhưng anh M không có ý kiến gì về việc chị Đ yêu cầu được nuôi con. Mặt khác, kể từ thời điểm anh chị sống ly thân cho đến nay thì cháu Đ1 sống chung với chị Đ, chị vẫn nuôi con đảm bảo về mặt thể chất lẫn

tinh thần, anh M cũng không đến thăm nom chăm sóc cháu. Chị Đ xác định đảm bảo về mặt kinh tế bằng nguồn thu nhập đi làm công ty. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử giao cháu Đ1 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nên anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

{2.4} Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Đ phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Thị Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010505 ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Chị Đ đã nộp đủ.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Thị Đ được ly hôn với anh Danh M.

2. Về con chung: Xử giao cháu Thị Nhã Đ1 - sinh ngày 25/3/2023, cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nên anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi

người trực tiếp nuôi con, xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Đình chỉ yêu cầu của chị Thị Đ đối với anh Danh M về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

5. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Đ phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010505 ngày 01/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Chị Đ đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *Phòng thi hành án;*
- *Đương sự;*
- *UBND xã;*
- *Lưu hồ sơ, Vp*

Nguyễn Thị Chuyên